TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/HNGĐ-ST
Ngày 26-4-2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đính

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Như Học.

Ông Vũ Xuân Chính.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Xuân T, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Anh Trần Thanh Tr, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp R, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 3 năm 2018, nguyên đơn chị Trần Xuân T trình bày yêu cầu:

- Về hôn nhân: Chị T và anh Tr kết hôn tháng 10 năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ. Thời gian chung sống thường cự cải, nguyên nhân chủ yếu là do anh Tr có quan hệ với người phụ nữ khác, hay đi chơi không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 9 năm 2012 đến nay. Xét thấy vợ chồng sống chung không hạnh phúc, chị T yêu cầu ly hôn với anh Tr.

- Về con chung: Có 01 người con tên Trần Gia H, sinh ngày 16/9/2012 (nữ). Khi ly hôn yêu cầu tiếp tục nuôi cháu, yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi H tròn 18 tuổi.

- Về chia tài sản chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ thu và nợ trả: Không có.

Tại bản tự khai đề ngày 12 tháng 4 năm 2018, bị đơn anh Trần Thanh Tr trình bày ý kiến:

- Về hôn nhân: Năm 2010 anh Tr và chị T tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Quá trình chung sống có cải vả nhau, đến tháng 6 năm 2017 chị T về nhà cha mẹ ruột sinh sống và vợ chồng sống ly thân cho đến nay, anh Tr có qua rước nhưng chị T không chịu về, nay chị T yêu cầu ly hôn không đồng ý vì còn thương vợ.

- Về con chung: Có 01 người con tên Trần Gia H, sinh ngày 16/9/2012 (nữ), hiện nay sống chung với chị T, trường hợp ly hôn có yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về chia tài sản chung, nợ thu và nợ trả: Không có.

Tại phiên tòa:

Chị T vẫn bảo lưu yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Anh Tr không đồng ý ly hôn, vì còn thương vợ; trường hợp ly hôn yêu cầu nuôi con và không cấp dưỡng, hoặc vợ nuôi con thì sẽ cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Năm 2011 chị Trần Xuân T và anh Trần Thanh Tr có thời gian tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận kết hôn số 92/2011 ngày 18 tháng 11 năm 2011. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị T và anh Tr được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Quá trình chung sống với nhau giữa chị T, anh Tr có những bất hòa không thể hàn gắn được, theo trình bày của anh Tr là anh chị sống ly thân từ tháng 8 năm 2017 đến nay.

Trong thời gian sống ly thân anh chị cũng không giải quyết được mâu thuẫn, chị T yêu cầu ly hôn, anh Tr không đồng ý. Tại phiên tòa chị T vẫn giữ yêu cầu ly hôn không đồng ý rút đơn khởi kiện ly hôn vì hết tình cảm với anh Tr, anh Tr không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ.

Xét thấy trong thời gian sống ly thân anh chị cũng không có biện pháp hàn gắn hôn nhân, gia đình thân tộc có hòa giải hàn gắn nhưng cũng không có kết quả. Mặc khác, Tòa án có tổ chức hòa giải nhiều lần để hàn gắn quan hệ hôn nhân của

anh chị, nhưng phía anh Tr không có thiện chí hàn gắn nên không đến Tòa án. Như vậy cho thấy quan hệ hôn nhân của anh chị đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho đôi bên nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là được ly hôn với anh Tr.

[2] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống với nhau hai đương sự xác định có 01 người con chung tên Trần Gia H, sinh ngày 16/9/2012 (nữ). Khi ly hôn cả hai đương sự đều có nguyện vọng nuôi con chung. Xét thấy trong thời gian sống ly thân cháu H sống chung với mẹ là chị T, cuộc sống của cháu ổn định, chị T chăm sóc và nuôi dạy con tốt nên giao cho chị T tiếp tục nuôi con là phù hợp, giao cháu H cho chị T tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng. Anh Tr được quyền thăm nom con không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Chị T yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, anh Tr đồng ý.

Theo quy định của pháp luật mức cấp dưỡng nuôi con không thấp hơn 1/2 mức lương cơ sở, do đó buộc anh Tr cấp dưỡng nuôi con 1.300.000 đồng : 2 = 650.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng đến khi cháu H đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp anh Tr chậm cấp dưỡng thì còn phải chịu lãi suất chậm cấp dưỡng, lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[3] Về chia tài sản chung và công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự *"Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó"*, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí : Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng chị T phải chịu, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Án phí cấp dưỡng định kỳ anh Tr phải chịu là 300.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 56, Điều 81, khoản 2 Điều 82, Điều 83 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Xuân T. Chị Trần Xuân T được ly hôn với anh Trần Thanh Tr.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị T tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Trần Gia H, sinh ngày 16/9/2012 (nữ). Anh Tr được quyền thăm nom chăm sóc con không ai cản trở.

Về cấp dưỡng: Anh Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 650.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, đến khi cháu H đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh Tr chậm cấp dưỡng còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm cấp dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về chia tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trần Xuân T phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0015828 ngày 09 tháng 3 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Án phí cấp dưỡng định kỳ anh Tr phải chịu là 300.000 đồng.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Đính